

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - ĐẮK LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 60/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 24/8/2026

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐẮK LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoa Lý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Ly Mlô;
2. Bà H Moan Mlô.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 24/8/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2026 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2026/QĐST-HNGĐ ngày 05/8/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc L, sinh năm 1990. Có mặt.

Địa chỉ: Số 13/3 A, tổ dân phố B, phường C, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Vũ N, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 13/3 A, tổ dân phố B, phường C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc L trình bày: Năm 2013, chị L và anh Nguyễn Vũ N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 93 ngày 11/11/2013. Thời gian vài năm đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Từ năm 2021 đến nay, giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn,

bất đồng quan điểm trong cách sống cũng như nuôi dạy con cái. Anh N không lo làm ăn chăm lo cho gia đình; chị L đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh N vẫn không thay đổi. Đến năm 2024, mâu thuẫn đỉnh điểm, dù chị L đã cố gắng kìm nén, tạo nhiều cơ hội để hàn gắn nhưng không đạt kết quả, tình cảm ngày càng lạnh nhạt, xa cách. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Nguyễn Vũ N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị L và anh N có 02 con chung là cháu Nguyễn Lê Yến N1(sinh ngày 01/01/2014) và cháu Nguyễn Lê Khả H (sinh ngày 21/9/2021). Chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Lê Khả H và giao con chung Nguyễn Lê Yến N cho anh N nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị L không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập bị đơn anh Nguyễn Vũ N nhưng anh N vắng mặt không có lý do; vì vậy không thể ghi nhận ý kiến trình bày của anh N.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; Đối với bị đơn anh Nguyễn Vũ N vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án, chị L và anh N tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn; xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị L ly hôn với anh N. Về con chung: Đề nghị HĐXX chấp nhận giao con chung Nguyễn Lê Yến N1 (sinh ngày 01/01/2014) cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Lê Khả H (sinh ngày 21/9/2021) cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con chung, chị L không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản và công nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- **Về thủ tục tố tụng:** Bị đơn anh Nguyễn Vũ N đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn.

- **Về nội dung:**

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị L và anh N tự nguyện kết hôn với nhau tại UBND phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 11/11/2013. Vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì dần phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, quan điểm sống. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh N đã đến mức trầm trọng, không thể hoà giải, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L, cho chị L được ly hôn với anh N để tạo điều kiện cho cả hai có một cuộc sống riêng là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 54, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung:* Quá trình chung sống chị L và anh N có 02 con chung tên Nguyễn Lê Yến N1 (sinh ngày 01/01/2014) và cháu Nguyễn Lê Khả H (sinh ngày 21/9/2021). Xét nguyện vọng của cháu Nhi muốn được ở với anh N; chị L đồng ý theo nguyện vọng của cháu N1 để cháu Nhi được ở với anh N. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Nguyễn Lê Yến N1 cho anh N và giao cháu Nguyễn Lê Khả H cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị L không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Các bên được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về tài sản và công nợ chung:* Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí:* Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc L.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Lê Thị Ngọc L được ly hôn với anh Nguyễn Vũ N.

- *Về con chung*: Giao con chung tên Nguyễn Lê Yến N1 (sinh ngày 01/01/2014) cho anh Nguyễn Vũ N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Giao con chung tên Nguyễn Lê Khả H (sinh ngày 21/9/2021) cho chị Lê Thị Ngọc L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Thị Ngọc L không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- *Về tài sản và công nợ chung*: Các bên không yêu cầu giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Lê Thị Ngọc L phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số **0005418 ngày 18/5/2026** tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - Đắk Lắk.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 8 - Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 8 - Đắk Lắk;
- UBND phường Cư Bao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hoa Lý